

CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 14 tháng 9 năm 2026

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 41
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 42

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	2939,2	2895,7	235,1	75,0	20381,9	841152,5			
Ngành điện	2890,4	2847,2	234,9	69,3	20038,5	811187,6	10297,1	6963,4	982,7
Tuần 40/2026	3241,3	3063,1	222,9	82,9	22268,9	791149,1	10883,2	8234,7	1103,5
SST 41/40	-10,8%	-7,0%	5,4%	-16,4%	-10,0%	2,5%	-5,4%	-15,4%	-10,9%
Tuần 41/2025	2790,4	2627,7	206,1	72,1	18745,9	776033,5	6825,3	9320,1	895,0
SS Cùng kỳ	5,3%	10,2%	14,1%	4,0%	6,9%	4,5%	50,9%	-25,3%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngâm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	317,5	7996,6	175,3	6411,2	8746,5	372594,2
Pmax (MWh)	1,8		2,8		118,9	
P min (MW)	0,9		0,5		25,5	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
40	206,5	41,0	23,1	2,8	0,5	6235,9
41	175,3	45,6	12,4	2,8	0,5	6411,2

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngâm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
40	328,2	47,5	45,8	1,8	1,8	7679,1
41	317,5	47,1	41,3	1,8	0,9	7996,6

II. Cắt điện công tác TUẦN 41

Trong tuần thực hiện 21 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 10 vụ; đột xuất: 00 vụ; công tác hotline 11 vụ. Chi tiết phụ lục I đính kèm. Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 05 vụ kế hoạch B01 & A2.29 TĐ Phìn Hồ công tác.

- Cắt điện trung áp 05 vụ, cụ thể như sau:

- + Mừng La: 01 vụ kế hoạch.

- + Phù Yên - Bắc Yên: 01 vụ kế hoạch.

- + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 01 vụ kế hoạch.

- + Tô Hiệu: 02 vụ kế hoạch.

- Công tác hotline tại các Điện lực: 11 vụ, cụ thể như sau:

- + Mộc Châu - Vân Hồ: 06 vu.

- +Mai Sơn- Yên Châu: 01 vụ.

- + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 02 vụ.

- + Tô Hiệu: 02 vụ.

- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 01 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CÇĐ Sự cố			ĐTC CÇĐ lưới điện phân phối		
			Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 41	5,08	0,01	0,42	2,57	0,03	0,03	-8,60	-0,08
	Tháng	Thực hiện tháng 10	19,14	0,04	1,05	4,94	0,15	0,15	7,83	0,07
		KH tháng 10	172,44	3,57	2,79	28,25	0,68	0,60	54,55	2,60
		So sánh TH/KH %	11,1%	1,2%	37,8%	17,5%	22,3%	25,1%	14,3%	2,5%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	823,07	5,96	26,78	245,71	2,98	1,89	126,49	1,12
		KH năm	1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
		So sánh TH/KH %	65,1%	37,3%	93,9%	91,3%	85,0%	84,0%	65,7%	27,4%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 10	1,75	0,01	0,27	0,00	0,00	0,00	1,75	0,01
		KH tháng 10	393,59	2,43	2,98	35,07	0,62	0,17	63,87	0,50
		So sánh TH/KH %	0,4%	0,4%	9,2%	0,0%	0,0%	0,0%	2,7%	1,8%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	535,16	2,63	7,20	62,92	1,35	0,49	116,71	0,77
		KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30
		So sánh TH/KH %	52,8%	63,9%	124,7%	64,2%	88,8%	73,6%	62,7%	59,3%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 42

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.

2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

- Cắt điện lưới 110kV: 7 vụ.

- Cắt điện lưới trung áp 07 vụ, Điện lực MC-VH: 01 vụ; Điện lực PY-BY: 01 vụ; Điện lực SM-SC: 01 vụ; Điện lực TC-QN: 01 vụ; ĐL MS-YC: 03 vụ;

Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đầu nối TBA 32 vụ; Điện lực MC-VH: 15 vụ. Điện lực SM-SC: 02 vụ; Điện lực TC-QN: 05 vụ; Điện lực Tô Hiệu: 08 vụ; Điện lực MS-YC: 01 vụ; XNLĐ CT: 01 vụ.

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngâm	302,4	1,8	1,8
A17.7	2217,6	13,2	13,2
A17.8	403,2	2,4	2,4
A17.9	252	1,5	1,5
A17.17	98	0,8	0
A17.18	1008	6	6
A17.19	0	0	0
A17.20	2150,4	12,8	7
A17.26	672	4	4
A17.32	604,8	3,6	3,6
A17.40	672	4	4
A17.42	252	1,5	1,5
A17.43	1209,6	7,2	7,2
A17.47	154,5	1,4	0,5
A17.48	1008	8	0
A17.49	369,6	2,2	2,2
A17.51	123,5	1	0
A17.53	588	3,5	3,5
A17.54	840	5	5
A17.59	669,9	6,6	0
A17.61	1008	6	6
A17.64	378	2,25	2,25
Tổng	14981,5	94,75	71,65

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN

1. Thông số các xuất tuyến

STT	TRẠM	Đ/D	P(MW) (Có thủy điện)		P(MW) (Phụ tải thực tế)		Q (Mvar)	
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	-1,2	-3,4	5,1	1,3	0,1	-0,7
		374	0,5	-5,2	8,5	2,4	0,2	-0,8
		376	3,4	0,9	7,1	4,4	0,1	-0,6
		472	1,4	-3,1	6,1	2,7	0,4	-0,5
		474			5,5	1,5	0,4	0,0
		476			5,9	1,3	0,2	-0,7
		478			4,1	1,3	0,4	-0,5
		471			5,3	1,5	0,3	-0,2
		473			2,4	0,5	0,0	-0,1
2	E17.2	371			1,8	0,4	0,4	-0,1
		373			11,8	-2,5	0,3	-1,5
		374			3,7	1,0	0,0	-0,3
		376			0,7	0,0	0,0	0,0
		378			5,1	1,8	0,8	-0,6
		471			2,5	0,2	0,0	0,0
		473	4,7	1,3	5,3	1,9	0,0	0,0
		474			1,8	0,5	0,0	-0,1
		476			4,9	1,5	0,0	-0,1
		478			1,8	-3,8	0,6	0,6
3	E17.3	371	1,4	-11,9	5,7	0,9	0,3	-0,4
		375	2,2	-2,5	4,7	1,3	0,0	-1,4
		377			5,7	1,3	0,1	-0,5
		379	0,1	-5,2			-0,2	-0,4
		381	0,8	-4,5			-0,4	-0,8
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673			0,1	0,0	0,0	0,0
4	E17.4	371	-1,8	-3,8	3,2	0,7	-0,6	-1,1
		373			6,2	1,7	0,0	-0,4
		375	10,2	0,9	12,0	2,7	0,5	-0,9
		377			2,5	1,0	0,0	0,0
5	E17.5	371			3,1	2,8	0,2	-0,7
		373	5,1	-9,2	9,5	2,4	0,0	-1,7
		375			10	2	0,8	-0,5
		471			2,8	0,7	0,1	-0,1
		472			2,0	0,4	0,1	0,0
		372	0,0	0,0			0,0	0,0
6	E17.30	371			7,4	1,4	-0,3	-1,0
		373	2,3	-2,9	11,3	2,4	0,1	-1,5
		375	3,8	0,0	10,0	2,1	0,4	-0,9
7	E17.62	371			2,3	0,0	0,1	-0,2
		373			5,1	-2,8	0,9	-0,5

		375			13,5	2,9	1,5	-0,1
		471			1,7	-0,1		
		473			1,3	0,3		
8	E17.66	371			7,0	1,9	0,8	-0,3
		373			3,0	-3,0	0,3	-0,7
		375			0,5	0,1	-0,1	-0,2
9	E17.67	371			0,6	0,0	0,0	-0,1
		373			5,1	1,4	0,2	-0,4
		471			0,5	0,0	0,1	0,0
		473			2,1	0,7	0,0	-0,1
		475			2,2	0,7	0,0	-0,2
		477			3,1	1,0	0,0	-0,3

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1288	13	0,99	719	-47	0,97	383	-74	0,98
		372/104 Bản Chiềng Ve	557	-41	0,96	310	-68	0,96	140	-52	0,94
		372/104 Tân Xuân	535	-59	0,98	334	-49	0,98	194	-49	0,99
		374/63 Phú Khoa	1633	-49	0,98	1027	-66	0,97	511	-68	0,97
		374/15A Chiềng Khoa	4040	55	0,98	2300	-103	0,97	1448	-152	0,96
		374/8 Bản Đạo	838	-84	0,98	591	-65	0,96	250	-75	0,97
		374/115 Co Súc	887	-62	0,98	578	-98	0,95	329	-78	0,96
		374/9 Mường Tè	846	-111	0,97	524	-55	0,96	333	-94	0,99
		471/105 Tiểu Khu 9	1120	-117	0,98	676	-34	0,97	286	-66	0,97
		472/91 Lóng Luông	1231	-57	0,99	698	-78	0,98	441	-57	0,97
		472/5 Bản Bon	636	-84	0,98	429	-59	0,97	173	-92	0,97
		473/106 Hang Dơi	1683	-88	0,98	1013	-60	0,98	613	-44	0,97
		476/76B Pa Khen	2919	-87	0,98	2074	-74	0,96	955	-120	0,97
		478/3C TK 19/8	2317	-91	0,97	1817	-81	0,98	934	-122	0,98
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3963	137	0,98	3300	168	0,97	2341	110	0,96
		378/43/8 Bản Thẳm	289	-46	0,97	215	-68	0,96	148	-71	0,99

		382/30 NBMS	7861	-51	0,96	5435	-101	0,98	3265	-146	0,97
		382/52/47 Nhà Tre	1846	-124	0,98	1173	-96	0,97	813	-140	0,98
		382/3 Hìn Đón	521	-102	0,91	371	-43	0,86	194	-126	0,66
		382/3 Nhà Ốt	1108	-99	0,98	791	-66	0,96	424	-81	0,96
		471/111 Tiểu Khu 1	1314	-59	0,97	1270	-71	0,99	762	-80	0,96
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tìn	- 14166	230	0,96	- 14281	266	0,95	- 14119	324	0,96
		371/77 Bản Nong	1101	-59	0,99	833	-60	0,97	747	-90	0,98
		371/140 Noong Quang	482	-112	0,96	311	-37	0,9	187	-36	0,85
		375/10 Bản Búng	448	-27	0,94	283	-57	0,76	173	-53	0,96
		375/106/35 Bản Sang	1217	-153	0,97	850	-77	0,97	492	-68	0,96
		375/157 Bản Hụn	877	-107	0,99	614	-70	0,97	415	-77	0,97
		375/184 Sao Va	499	-32	0,89	383	-46	0,86	168	-45	0,87
		375/3 Huổi Phày	901	-110	0,97	683	-82	0,99	502	-126	0,93
		378/165 Pắc Ngà	649	-79	0,97	450	-133	0,95	252	-120	0,92
		377/28 Hua Nậm	1684	-80	0,96	1004	-53	0,97	810	-133	0,99
		377/103 Bản Kê	878	-43	0,95	627	-34	0,96	400	-58	0,98
		377/60 Hua Ít	1263	-14	0,99	989	-18	0,98	679	-37	0,97
		377/2 Huổi Phăng	819	-59	0,97	550	-85	0,98	369	-106	0,97
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hòm	540	-67	0,97	372	-97	0,95	176	-92	0,96
		371/97 Hua Ty	2035	-88	0,96	1185	-70	0,97	1016	-64	0,99
		371/126 Nong Vai	1232	-85	0,97	911	-91	0,99	714	-103	0,98
		371/31 Co Mạ	609	-71	0,95	407	-106	0,97	237	-132	0,97
		371/10 Pha Khuông	511	-72	0,98	338	-111	0,92	169	-91	0,98
		373/3 Bình Thuận	528	-96	0,98	367	-117	0,95	181	-109	0,91
		373/142 Pha	1962	-130	0,98	1322	-52	0,96	648	-90	0,95

		Lao									
		375/64 Ba Nhất	1088	-110	0,97	756	-66	0,98	522	-70	0,95
		375/124 Bản Lào	4867	-129	0,97	3726	-121	0,95	1782	-141	0,94
		375/285 Bản Đông	2651	-162	0,97	2039	-79	0,98	1246	-129	0,97
		375/5 Bản Ca	953	-142	0,97	581	-52	0,98	399	-127	0,96
		375/381 Phiêng Lanh	1928	-45	0,97	1352	-79	0,96	873	-127	0,95
		375/480 Bản Cút	911	-147	0,96	575	-147	0,89	316	-174	0,92
		375/4 Co Lúu	510	-80	0,78	324	-112	0,73	214	-95	0,72
		375/4 Hua Cầu	638	-96	0,95	463	-128	0,85	372	-57	0,86
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	3010	-147	0,98	2506	-112	0,97	1914	-115	0,97
		371/128 Suối Nhào	577	-31	0,96	366	-44	0,92	293	-135	0,89
		371/406 Bản Nhèm	498	-51	0,95	335	-82	0,83	219	-93	0,73
		371/1 Đồng Mã	464	-117	0,95	292	-43	0,85	204	-28	0,76
		373/101 Bản Mòn	4893	-179	0,97	4055	-104	0,96	2922	-199	0,97
		373/2 Tiểu Khu 1	456	-104	0,98	371	-66	0,88	243	-70	0,63
		373/107 Xím Vàng	509	-64	0,82	362	0	0,95	184	-71	0,74
		373/1 Háng Đồng	381	-108	0,93	266	-37	0,82	191	-121	0,56
		373/255 Bản Khoa	839	-54	0,98	525	-44	0,94	315	-89	0,95
		373/221 Suối Song	669	-75	0,95	395	-103	0,83	235	-87	0,81
		373/8 Tiểu Khu 2	1520	-125	0,99	1163	-38	0,97	700	-46	0,97
		373/7 Tà Đò	576	-75	0,93	452	-95	0,79	291	-77	0,72
		375/124 Bản Ban	2141	-35	0,97	1457	-51	0,98	908	-67	0,97
		375/9 Bơm Nước	601	-37	0,95	369	-80	0,95	313	-61	0,93
		375/453/6 Bản Cải	2165	-70	0,98	1615	-93	0,95	855	-73	0,97
		375/391 Mường Do	1434	-148	0,98	922	-127	0,95	519	-84	0,86
6	E17.30	371/122	1386	-90	0,98	792	-91	0,93	433	-163	0,85

	Sông Mã	Sở Pỏi									
		371/53/167A Mường Lạn	602	-119	0,97	338	-72	0,94	167	-76	0,62
		371/159 Bản Bảnh	577	-87	0,9	320	-126	0,71	179	-58	0,56
		371/5 Bản Khá	531	-38	0,92	321	-83	0,89	200	-76	0,63
		373/4 Bang Búng	469	-129	0,94	323	-66	0,83	257	-65	0,62
		373/108 Nhà Nghiu	4273	-159	0,97	4011	-145	0,96	2913	-106	0,97
		373/2 Phiêng Đồn	2677	-149	0,99	2239	-143	0,98	1685	-113	0,96
		373/1 Bản Nấu	633	-120	0,98	431	-147	0,94	314	-154	0,92
		373/67 Mường Lằm	1299	-133	0,96	798	-138	0,96	550	-119	0,89
		375/152 Bản Nhạp	4329	-159	0,97	3451	-130	0,98	2869	-134	0,96
		375/289 Bản Pục	889	-83	0,96	608	-130	0,95	218	-93	0,8
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tỉnh Bột Sắn	1736	-97	0,99	1305	-63	0,96	801	-151	0,97
		375/104/8 Bản Lếch	8500	-95	0,99	5333	-25	0,97	3366	-86	0,98
		375/115/3 Cò Nòi	2266	-132	0,98	1481	-106	0,96	656	-117	0,96
		375/8/21 Nhà Bó	1482	-114	0,98	802	-135	0,97	512	-73	0,96
		375/8/165 Pắc Ngà	645	-77	0,97	404	-21	0,94	232	-19	0,96
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	595	-124	0,97	390	-48	0,93	193	-47	0,84
		373/107 Tà Làng 1	2744	-188	0,98	2041	-54	0,97	1293	-140	0,96
		373/3 Hát Sét	510	-76	0,90	283	-90	0,71	204	-77	0,69
		371/4 Ban Đán	1675	-163	0,98	1044	-109	0,95	645	-113	0,94
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2344	-112	0,97	1636	-115	0,99	1155	-114	0,96
		373/35/3 Chiềng Cọ	736	-66	0,99	616	-91	0,94	394	-83	0,96
		373/35/3 Chiềng Đen	1160	-115	0,99	933	-128	0,98	614	-72	0,97

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 41

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết Thúc	Bắt đầu	Kết Thúc				
1	Cô lập đ/d 173 E17.3 (Mường La) - 171 A12.29 (TĐ Phìn Hồ),	6:00	17:30	6:25	17:46	5/10/26	A12.29	TĐ Phìn Hồ A12.29 đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển vật tư thiết bị phục vụ: Thi công bổ sung cột giữa khoảng cột 46 - 47 để nâng cao trình dây dẫn đảm bảo vận hành	KH
2	Cô lập đ/d 171 E17.6 (220kV Sơn La) - 171 E17.62 Mai Sơn	7:00	16:00	7:24	15:23	5/10/26	B01	B01 thí nghiệm định kỳ ngăn 171 E17.6	KH
3	Khóa F79 đ/d 471 + 473 E17.1 Mộc Châu	7:30	17:30	8:06	15:48	5/10/26	Mộc Châu	ĐL MC-VH Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 85 - VT 96. và các TBA: Bến Xe; Tiểu Khu 4; Điện Lực	Hotline
4	Tách đ/d PD 375/86/3 Huổi Phầy từ DCL 375-1/86/83 Bản Chan - TC 375/129 Bản Pàn	15:00	17:00	15:31	17:18	5/10/26	Mường La	ĐL Mường La đấu lại lèo VT 86/94	KH
5	Cô lập đ/d 173 E17.3 (Mường La) - 171 A12.29 (TĐ Phìn Hồ),	6:00	18:00	6:17	18:03	6/10/26	A12.29	TĐ Phìn Hồ A12.29 đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển vật tư thiết bị phục vụ: Thi công bổ sung cột giữa khoảng cột 46 - 47 để nâng cao trình dây dẫn đảm bảo vận hành	KH
6	Tách đ/d 172 E17.62 - 180 E17.6 Sơn La	7:00	16:00	7:23	15:23	6/10/26	B01	B01 thí nghiệm định kỳ ngăn 180 E17.6	KH
7	Khóa F79 đ/d mạch kép 471, 473 E17.1 Mộc Châu	7:30	17:00	9:02	16:30	6/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh hotline cách điện đ/d VT 97-109	Hotline
8	Cô lập đ/d 173 E17.3	6:00	18:00	6:10	18:09	7/10/26	A12.29	TĐ Phìn Hồ A12.29 đảm bảo an	KH

	(Mường La) - 171 A12.29 (TĐ Phìn Hồ),							toàn trong quá trình vận chuyển vật tư thiết bị phục vụ: Thi công bổ sung cột giữa khoảng cột 46 - 47 để nâng cao trình dây dẫn đảm bảo vận hành	
9	Khóa F79 MC 471/105 Tiểu Khu 9, MC 473/106 Hang Dơi	7:30	17:30	7:41	11:08	7/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh hotline trên đ/d từ VT 110-121	Hotline
10	Khóa F79 MC 373/173A Mường Giàng - Huổi Cúa	8:00	12:30	9:16	16:51	7/10/26	Thuận Châu	Thi công hotline lắp xà, sứ, CSV và phụ kiện. Đấu nối cáp điện cho thiết bị đo đếm BU, BI vào đ/d đang vận hành tại VT 206	Hotline
11	Khóa F79 MC 471/105 Tiểu Khu 9, MC 473/106 Hang Dơi	7:30	17:30	16:55	15:57	8/10/26	Mộc Châu	Vệ sinh hotline VT 122-133, và TBA Nghĩa Trang Liệt Sỹ, Chế Xuất Gỗ	Hotline
12	Tách Đ/d PD 375/453/6 Bản Cải Từ DCL 375-1/395/1 Bản Lăn → Han 4	7:30	13:30	7:34	13:10	9/10/26	Phù Yên	Thay thế 05 quả sứ bị phóng điện, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ từ VT 395/30 ÷ VT 395/48	KH
13	Khóa F79 MC 471/105 Tiểu Khu 9, MC 473/106 Hang Dơi	7:30	17:30	9:15	11:10	9/10/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 134→ VT 145 và TBA Bảo Tàng	Hotline
14	Khóa F79 MC 375/124 Bản Lào - Chiềng Khoang	8:30	15:30	9:35	12:25	9/10/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu thi công hotline lắp xà, sứ lắp thiết bị đo đếm tại VT 217/47/47	Hotline
15	Chuyển PT cấp điện đ/d từ trạm cắt PD 373/68 Phiêng Tam → LBS 375-1/121/51 Xi Măng nhận điện đ/d 375 E17.4 Thuận Châu. Chuyển PT cấp điện đ/d từ trạm cắt PD 373/60/3 Chiềng Đen → LBS 373-1/36/55 Bản Bay nhận điện 375 E17.4 Thuận Châu	15:00	15:40	15:10	12:34	9/10/26	Tô Hiệu	Phục vụ lễ hội cà phê tại Công ty TNHH&TM Cát Quế	KH

16	Chuyển PT cấp điện đ/d 473 E17.2 Sơn La từ LBS 473-7/142 Giảng Lắc→ MC 473/1 Hua La →MC 473/161 Nhà Cống nhận điện 473 E17.2 Sơn La	15:15	15:20	15:14	0:00	9/10/26	Tô Hiệu	Điều chỉnh bán kính cấp điện phục vụ lễ hội cà phê	KH
17	Tách Đ/d 371E17.4 từ CDPT 371-7/2 - CDPT 371-7/45 Bản Nhộp - DCL 371-1/41A/8 Bản Nhộp;	6:30	16:00	7:01	16:55	10/10/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu - Quỳnh Nhai công tác theo kế hoạch Dựng cột thay thế VT 12/1, 12/2, dựng BS cột VT 25A; VT 26/1A, lắp chụp nâng cao khoảng cách pha đất VT 26, VSCN từ VT 03 - VT 43	KH
17	Khóa F79 PĐ 473/106 Hang Dơi; PĐ 471/105 Tiểu Khu 9	7:30	17:30	7:35	11:16	10/10/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 146 - VT 156 và các TBA: Lâm Sản 2, Lâm Sản.	Hotline
19	Khóa TĐL MC 477 E17.67 Sơn La 2	9:30	11:30	10:03	11:54	10/10/26	Tô Hiệu	ĐL Tô HIệu thi công hotline (Thay 03 quả sứ đứng đỡ lèo pha A, B, C bị phóng điện để ngăn ngừa sự cố. Tại TBA Nhà Khách Ủy Ban (VT 175/2); Tháo thẻ bài đánh dấu thứ tự pha đầu cáp ngầm pha A, B, C để ngăn ngừa sự cố. Tại CDPT 473-7/166 Quảng Trường (VT 166))	Hotline
20	Khóa TĐL MC 473 E17.2 Sơn La	10:30	11:30	11:56	13:08	10/10/26	Tô Hiệu	ĐL Tô HIệu thi công hotline xử lý ghép đầu lèo pha C đầu cáp ngầm bị phát nhiệt để ngăn ngừa sự cố tại đầu TBA TĐC số 1 (VT 146/4)	Hotline
21	Khóa F79 đ/d 371 E17.66 Yên Châu - LBS 371-7/148 Huổi Phù - LBS 373- 7/113/152 Con Khảm - LBS 375-7/70/10 Phú Lương	15:00	17:30	15:55	17:02	10/10/26	Mai Sơn	ĐL Mai Sơn thay thế 3 cụm cầu chì tự rơi bị hỏng để đảm bảo cấp điện cho lưới điện tại TBA Thèn Luông (VT 123/1) ngăn ngừa sự cố.	Hotline

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 42

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	Điện lực MC-VH	Đ/d mạch kép 471&473 E17.1 Mộc Châu → TBA Đội 82.	12/10	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 157→ VT 163.
2	Điện lực MC-VH	Đ/d PD 471/105 TK9 → Đội 82 (Nhánh rẽ mạch đơn)	12/10	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 164 - VT 175.
3	Điện lực MC-VH	Đ/d 478 E17.1 Mộc Châu → TBA Đăng Kiểm	13/10	7.30	11.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 03,03A, từ VT 13 - VT 18A và các TBA Khí Tượng, KS Thảo Nguyên, Xưởng Bột, CBNS.
4	ĐLMS- YC	Tách Đ/d PD 373/86/2 Tiên Phong từ sau CDPT 373-1/86/2 Tiên Phong - DCL 373-7/86/16 Nà Cang	13/10	7.30	11.30	Thay thế tủ điều khiển của MC Recloser 373/86/2 Tiên Phong bị hư hỏng. (Lấy từ tủ MC 371/4 Bản Đán về) Thí nghiệm cài đặt các thông số vận hành sau lắp đặt.
5	XNLĐCT	Tách ngăn lộ 173 A17.46 Nậm Pía 1	13/10	8.00	11.00	Lắp đặt mới công tơ điện tử xoay chiều 3 pha ngăn lộ 173 A17.46 tại tủ MK ngăn lộ 173 A17.46 Nậm Pía
6	ĐLMS- YC	Đóng điện Đ/d 471E17.62 Mai Sơn từ DCL 431-3 V-GREEN Văn Phương - TBA V-GREEN Văn Phương	13/10	15.30	16.00	Đóng điện TBA V-GREEN Văn Phương vào vận hành tại VT 93
7	XNLĐ CT	Ngăn lộ 131;MBAT1; 172; TUC12; 171; 112; TUC11 Trạm E17.67 Sơn La 2	14/10	7.30	15.30	Vệ sinh cách điện bằng nước áp lực cao Trạm E17.67 Sơn La 2
8	Điện lực SM-SC	Tách đ/d PD 373/206 Nậm Ty từ CDPT 373-1/206 Nậm Ty → VT tách lều 208.	14/10	07.30	15.30	Tách lều VT 208 PV . - thay MC 373/206 Nậm Ty, Thay tủ điều khiển và phụ kiện tại VT 206. (Đã đa chia đa nối)
9	Điện lực MC-VH	Đ/d 472 E17.1 Mộc Châu → TBA K45.	14/10	07.30	11.30	Thi công Hotline: Thay thế DCL chém đứng bằng DCL chém ngang. (Tại DCL 472-7/29/6 Chè Nhặt, VT 61/29/6).
10	Điện lực MC-VH	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu → TBA Tây Tiến.	14/10	13.30	16.00	Thi công Hotline: Căn chỉnh tiếp xúc má DCL tại DCL 474-7/51/1 KS Hà Nội (VT 51) Xử lý tiếp xúc đầu cực pha B CDPT 474-7/13A

						Công Đoàn (VT 13A).
11	Điện lực MC-VH	Đ/d 478 E17.1 Mộc Châu → TBA Đăng Kiểm 2.	14/10	16.30	18.30	Thi công Hotline: Xử lý tiếp xúc đầu cực pha A,C Tại CDPT 478-7/12A UHT (VT 12A)
12	Điện lực MC-VH	Đ/d 478 E17.1 Mộc Châu → TBA Đăng Kiểm	14/10	13.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 18A/1 - VT 18A/5, 24, 25, 25/1- 25/21 và các TBA Nguyên III, Đội 70II, Đội 70, NL Xanh, Bản Bun 2.
13	XNLD CT	Tách ngăn lộ 172 trạm E17.3 Mường La. - Tách Đ/d 172 E17.3 Mường La - 171 A17.29 Pá Chiến	15/10	6.00	18.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 172 (MC172, TI172, DCL 172-7, TU172) - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 172 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị DCL 172-7. - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây Đ/d 172 E17.3 Mường La - 171 A17.29 Pá Chiến.
14	Điện lực MC-VH	Đ/d 478 E17.1 Mộc Châu → TBA Đăng Kiểm	15/10	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Các VT: 31, 42, 44, 52, VT 65- 73 , 89, 90 và các TBA Vườn Đào, Tiền Tiến , Tiền Tiến 2.
15	Điện lực SM-SC	Đ/d 371E 17.30 Sông Mã - LBS 373-7/52/85 Hìn Pên - TBA Huổi Làn	15/10	7.30	15.30	Thi công hotline: tách/Đầu lèo 3 pha tại VT 40 (lèo nhánh rẽ vào TBA Pá Hốc). PV: câu đầu MC Reclose tại VT 40/2 ('Dự án đa chia đa nối):
16	Điện lực SM-SC	Đ/d 375E17.30 đến CDPT 375-7/361 Nà Un	15/10	7.30	15.30	Thi công hotline: Tách/Đầu lèo 3 pha tại VT 153/104 (lèo nhánh rẽ vào TBA Phiêng Piềng). PV: câu đầu LBS tại VT 153/104/22/1. (Dự án đa chia đa nối)
17	Điện lực MC-VH	Đ/d 476 E17.1 Mộc Châu → Tân Lập → Tân Hợp.	15/10	07.30	09.00	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha C tại VT 4/3.
18	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d PĐ 375/8/165 Pắc Ngà từ DCL 375-7/8/167 Pắc Ngà - Nong Cóc - DCL 371-7/193 Hìn Phá	15/10	7.30	12.30	Thay 11 quả sứ, 7 bát sứ thủy tinh, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ, không đảm bảo vận hành Từ VT 8/168 ÷ VT 8/231.
19	Điện lực TC-QN	Đ/d PĐ 371/97 Hua Ty - Co Mạ	15/10	8.00	15.00	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha B bị vỡ tại VT 122/22/7 ; Thay sứ chuỗi bị vỡ VT 122/7; VT 122/12
20	Điện lực	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngà 3	15/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 01 ÷ VT 10 và

	Tô Hiệu	Chiềng Ngần. Đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thảm.				TBA Đèn Đường T1 (VT 01) Đ/D mạch kép 474&478 E17.2 Sơn La.
21	ĐLMS- YC	Đ/d PĐ 375/86 Tiểu Khu 32 - DCL 375- 7/154/60 Đèo Chẹn - LBS 371-7/148 Huổi Phù	15/10	8.00	11.30	Thi công hotline; Cầu đầu TBA Công An xã Phiêng Pần tại VT 104/64/25 (160kVA). (TBA khách hàng, không đóng điện TBA)
22	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	15/10	10.30	17.30	Thi công Hotline: Lắp đặt 03 bộ CSV trên đ/d. tại các VT 111,145, 153/39.
23	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 478 E17.2 đến MC 478/72 Ka láp.	15/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 42 đến VT 56 và các TBA: Bản Thảm, Bản Thảm 2.
24	XNLD CT	Tách ngăn lộ 174 trạm E17.3 Mường La. - Tách đ/d 174 E17.3 Mường La - 173 E17.50 Mường La	16/10	6.00	18.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 174 (MC174, TI174, DCL 174-7, TU174) - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 174 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 174, DCL 174-7. - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây 174 E17.3 Mường La - 173 E17.50 Mường La
25	XNLD CT	Tách ngăn lộ 172 trạm E17.2 Sơn La - Tách Đường dây 174 E17.6 Sơn La - 172 E17.2 Sơn La	16/10	6.00	6.00	- Thay thế role F87L ngăn lộ 172 Trạm 110kV Sơn La E17.2 - Thí nghiệm, test tín hiệu lên máy tính - Test PTP, ETE với NSO, OCC - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây 174 E17.6 Sơn La - 172 E17.2 Sơn La
26	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 478/3C TK 19/8 → Sao Đỏ	16/10	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Các VT: 14/3D/1 - VT 14/3D/9. VT 14/18D, 14/22C/7, 14/32C, 14/33C/6, 14/33C/11. 14/36C, 14/41C, 14/47C, 14/48C và các TBA Tiểu Khu 69, Cấp 3 Thảo Nguyên, S89 , Hoa Ban, Biên Cương.
27	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	16/10	07.30	09.00	Thi công Hotline: Lắp đặt 01 bộ CSV trên đ/d. tại VT 153/50.
28	Điện lực TC-QN	Tách Đ/d 373 từ DCL 373-7/2 đến DCL 373- 7/29 Nà Ta.	16/10	7.30	14.30	Thay xà, sứ, căng dây lấy lại độ võng từ VT 7 đến VT 7/3. Kết hợp VSCN từ VT 03 đến VT 28 thuộc ĐZ 35kV lộ 373 E17.4 Thuận Châu.

29	ĐLMS- YC	Tách Đ/d PĐ 375/8/21 Nà Bó từ DCL 375-7/8/100 Bản Học - DCL 375-7/8/149 Bản Pon	16/10	7.30	12.30	Thay thế 03 quả BU, 03 quả BI bị sự cố tại VT 8/129.
30	Điện lực TC-QN	Đ/d PĐ 371/31 Co Mạ - TBA Pá Pan	16/10	8.00	9.30	Thi công Hotline: Thay chuỗi sứ bị vỡ 122/50
31	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT b474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần. Đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thắm.	16/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: VT 11 ÷ VT 20 và TBA Chiềng Sinh 1 (VT 13)Đ/D 474&478 E17.2 Sơn La.
32	Điện lực TC-QN	Đ/d PĐ 371/97 Hua Ty - Co Mạ	16/10	9.30	12.00	Thi công Hotline: Thay sứ chuỗi sứ bị vỡ VT 118
33	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/165/14 Tân Lập → TBA Cà Đạc.	16/10	09.30	17.00	Thi công Hotline: Lắp đặt 02 bộ CSV trên đ/d. tại các VT 165/16, 165/37
34	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần.	16/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 23/1÷VT 23/15 và TBA Bản Lay (VT 23/4) TBA CQT TĐC Noong Đức (VT 23/15).
35	XNLD CT	- Tách ngăn lộ 171 trạm E17.3 Mường La. - Tách Đ/d 171 E17.3 Mường La - 171 A17.11 Nậm Chiến 2	17/10	6.00	18.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 171 (TI171, DCL 171-7, TU171) - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 171 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị DCL 171-7. - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đường dây Đ/d 171 E17.3 Mường La - 171 A17.11 Nậm Chiến 2
36	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 478/3C TK 19/8 → Sao Đỏ	17/10	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 14/49C/15 - VT 14/49C/31 và TBA Vạn Xuân .
37	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/165/14 Tân Lập → TBA Cà Đạc.	17/10	07.30	17.00	Thi công Hotline: Lắp đặt 03 bộ CSV trên đ/d. tại các VT 165/58, 165/79, 165/77/8
38	Điện lực TC-QN	Đ/d PĐ 375/106/36 Bản Sang - TBA Huổi Tát	17/10	8.00	9.30	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha A VT 106/117
39	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần. Đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thắm.	17/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 21 ÷VT 30 Đ/D 474&478 E17.2 Sơn La.
40	Điện lực TC-QN	Đ/d PĐ 375/184 Sao Và - TBA Huổi Tát	17/10	10.00	15.30	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ pha A bị vỡ VT 106/243; 106/238

41	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần.	17/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 29/1÷VT 29/10.
42	XNLD CT	Tách thanh cái C11, C12, MBAT1, MBAT2, ngăn lộ 131, 132, 171, 172, 173, 174, 112 trạm E17.3 Mường La. - Tách Đ/d 171 E17.3 Mường La - 171 A17.11 Nậm Chiến 2. - Tách đ/d 173 E17.3 Mường La - 173 A12.29 Phìn Hồ.	18/10	1.00	19.00	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ HGIS 132; MC112, TI112, TUC12, DCL 172-2, 174-2, 112-2, Chống sét van CSC12 - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA các ngăn lộ thanh cái C12 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC112, DCL 112-1, 112-2, 174-2. - Thay thế MC 172, DCL 172-2 ngăn lộ 172; hoàn thiện đấu nối, kiểm tra, hiệu chỉnh, thí nghiệm, nghiệm thu và đưa vào vận hành hệ thống nhất thứ, nhị thứ, điều khiển, bảo vệ và SCADA. - Vệ sinh công nghiệp, xử lý khiếm khuyết thiết bị ngăn lộ 171, 172, 173, 174, 112, 131, 132, MBA T1, MBAT2, thanh cái C11, C12. - Vệ sinh công nghiệp, kiểm tra thoát sét, XLKK đ/d 173 E17.3 Mường La - 171 A12.29 Phìn Hồ.
43	XNLD CT	Tách MBAT2, ngăn lộ 132, 332 Trạm E17.3 Mường La	18/10	6.00	12.00	- TNĐK, CBM các thiết bị MBAT2, ngăn lộ 332, Chống sét van các phía MBAT2, cáp tổng 332. - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 132, 332, MBA T2
44	Điện lực MC-VH	Đ/d 372 E17.1 Mộc Châu → TBA Cửa Khẩu	18/10	07.30	17.00	Thi công Hotline: Lắp đặt 02 bộ CSV trên đ/d tại các VT 3A, 14. - Thay 01 bát sứ tại pha A VT 23
45	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến CDPT 474-7/41 Ngã 3 Chiềng Ngần. Đ/d 478 E17.2 đến LBS 478-7/41 Bản Thẳm.	18/10	8.00	11.30	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 31÷VT 40 Đ/D 474&478 E17.2 Sơn La.
46	Điện lực Tô Hiệu	Đ/d 474 E17.2 đến LBS 474-7/77 Đăng Kiềm.	18/10	14.00	17.30	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 57÷VT 71.